

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ KÊNH THUÊ RIÊNG
Số: 383/HITC-ĐHMD/ILL-2025

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-VPQH ngày 05/7/2019 về Luật thương mại;

Căn cứ Quyết định số 2165/QĐ-MDC ngày 24/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Cung cấp dịch vụ Internet dành cho đào tạo";

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại Hà Nội, chúng tôi gồm

BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ - ĐỊA CHẤT (Khách hàng)

Địa chỉ : Số 18 Phố Viên, Phường Đông Ngạc, TP. Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 38389633

Số Fax: (84.4) 38389633

Đại diện : Ông Trần Thanh Hải

Chức vụ: Hiệu trưởng

Tài khoản : 3716.1.1055493

Tại : Phòng giao dịch số 10 - KBNN Khu vực I

BÊN B CÔNG TY CỔ PHẦN HTC VIỄN THÔNG QUỐC TẾ (Bên cung cấp dịch vụ)

Trụ sở chính : Tầng 6, Lotus Building, Số 2 Duy Tân, Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 84.24.35735502

Số Fax: 84.24.35739419

Đại diện : Ông Ngô Văn Tuấn

Chức vụ: Giám đốc khối Dịch vụ Viễn thông

Tài khoản : 83656868666 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Cầu Giấy

Mã số thuế : 0102362584

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là "**Bên**" và được gọi chung là "**Hai Bên**".

Điều 1: Nội dung của Hợp đồng

1.1 Bên B cung cấp dịch vụ cho Bên A dịch vụ kênh thuê riêng cụ thể như sau:

- Hình thức hợp đồng: Trọn gói
- Chi phí lắp đặt ban đầu:

STT	Loại dịch vụ	Tốc độ	Số lượng kênh	Giá cước hàng tháng (chưa bao gồm 10% VAT)	Giá cước hàng tháng (đã bao gồm 10% VAT)	Tổng tiền 12 tháng (đã gồm 10% VAT) (VNĐ)
1	Internet Leased Line	08Mbps quốc tế/ 200Mbps trong nước	01	0	Miễn phí	Miễn Phí

Chi phí thuê kênh hàng tháng:

STT	Loại dịch vụ	Tốc độ	Số lượng kênh	Giá cước hàng tháng (chưa bao gồm 10% VAT)	Giá cước hàng tháng (đã bao gồm 10% VAT)	Tổng tiền 12 tháng (đã gồm 10% VAT) (VND)
1	Internet Leased Line	08Mbps quốc tế/ 200Mbps trong nước	01	6.500.000	7.150.000	85.800.000
Bảng chữ: <i>Tám mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng chẵn./</i>						

1.2 Thiết bị đầu cuối:

Bên B cho Bên A mượn thiết bị phù hợp để đấu nối và vận hành trong suốt quá trình sử dụng dịch vụ. Việc này phải được ghi nhận bằng biên bản bàn giao ghi rõ số lượng và mô tả rõ hiện trạng của các thiết bị này.

Bên A có trách nhiệm sử dụng và bảo quản thiết bị. Trong quá trình sử dụng nếu thiết bị hỏng không do lỗi Bên A, Bên B sẽ thay thế thiết bị khác cho Bên A và ngược lại, nếu do lỗi sử dụng của Bên A, Bên A sẽ phải tự thay thế thiết bị và chịu mọi chi phí liên quan đến việc thay thế này. Hết thời hạn hợp đồng, Bên A hoàn trả thiết bị cho Bên B theo đúng số lượng và tình trạng bàn giao ban đầu tại biên bản bàn giao.

1.3 Tiến độ thực hiện:

Bên B có trách nhiệm thiết lập và bàn giao toàn bộ kênh cho Bên A trong vòng 10 ngày kể từ khi hai Bên ký Hợp đồng. Hai Bên sẽ cùng ký biên bản nghiệm thu và bàn giao kênh đưa vào vận hành sử dụng.

Điều 2: Cước phí, phương thức thanh toán và thời điểm áp dụng

2.1 Chi phí lắp đặt ban đầu

Bên A có trách nhiệm thanh toán Chi phí lắp đặt ban đầu cho Bên B trong vòng 25 ngày sau khi Hai Bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao kênh và Bên A nhận được hoá đơn tài chính hợp lệ của Bên B: Chi tiết theo Phụ lục 1 Hợp đồng.

Chi phí lắp đặt ban đầu sẽ không được hoàn lại vì bất cứ lý do gì.

2.2 Cước thuê kênh hàng tháng: theo Phụ lục 1 Hợp đồng này.

2.3 Thời điểm tính cước

- 2.3.1. Thời điểm bắt đầu tính cước thuê kênh là ngày Hai Bên ký biên bản nghiệm thu và bàn giao kênh đưa vào vận hành sử dụng. Ngày các Bên ký biên bản nghiệm thu và bàn giao kênh sẽ do hai Bên thoả thuận và không quá 5 ngày kể từ ngày tất cả các phép đo thông kênh hoàn tất
- 2.3.2. Nếu thời gian sử dụng dịch vụ của tháng bắt đầu và tháng kết thúc hợp đồng chưa đủ một tháng, cước Bên A phải trả sẽ được tính bằng cước dịch vụ đủ tháng chia cho số ngày thực tế trong tháng nhân với số ngày thực tế sử dụng dịch vụ trong tháng.

3 Phương thức thanh toán

- 2.4.1. Bên B sẽ gửi hóa đơn thanh toán cước dịch vụ 12 tháng cho Bên A vào trước ngày 10 sau tháng phát sinh cước.
- 2.4.2. Thời hạn thanh toán cước: Bên A có trách nhiệm thanh toán Cước thuê kênh hàng tháng là trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn của tháng phát sinh cước. Nếu quá thời hạn này, Bên A chưa thanh toán cho Bên B thì Bên A sẽ phải chịu lãi suất nợ quá hạn cho mỗi ngày trả chậm tính theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán tương ứng với số ngày thực tế chậm thanh toán.
- 2.4.3. Phương thức thanh toán: Trả tiền theo phương thức chuyển khoản qua Ngân hàng
Đơn vị thụ hưởng: **Công ty cổ phần HTC viễn thông quốc tế**
Số tài khoản: **83656868666** tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Cầu Giấy

4 Cước tạm ngừng dịch vụ

- 2.5.1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng một trong các Bên có quyền đề nghị tạm ngừng cung cấp dịch vụ theo quy định. Cước tạm ngừng dịch vụ sẽ được áp dụng trong các trường hợp sau:
- Bên A có quyền tạm ngừng sử dụng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ có thời hạn với điều kiện phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên B biết trước ít nhất 15 ngày trước ngày dự định tạm ngưng. Trong thông báo phải ghi rõ ngày dự định tạm ngưng và ngày tiếp tục sử dụng dịch vụ.

- Bên B thực hiện tạm ngừng cung cấp dịch vụ trong trường hợp Bên A vi phạm các điều khoản cam kết trong Hợp đồng và/hoặc các quy định tại Điều 7.1.1 và 7.1.2 của hợp đồng này.
- 2.5.2. Thời gian tạm ngừng sử dụng dịch vụ tối thiểu là 01 tháng và tối đa là 03 tháng. Nếu trường hợp thời gian tạm ngừng của Bên A ít hơn 30 ngày sẽ tính cước thuê kênh đủ tháng của tháng đó. Trong thời gian tạm ngừng dịch vụ, mỗi tháng Bên A phải thanh toán cho Bên B số tiền bằng 50% cước thuê kênh hàng tháng.
- 2.5.3. Trường hợp hết thời gian tạm ngừng, nếu Bên A không thông báo bằng văn bản về việc khôi phục lại kênh để sử dụng thì Bên B sẽ tiếp tục khôi phục lại kênh truyền và Bên A tiếp tục thanh toán 100% cước thuê kênh hàng tháng cho đến khi hết hạn hợp đồng.

Điều 3: Trách nhiệm của các Bên

3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- 3.1.1. Sử dụng dịch vụ theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về mục đích vận hành và sử dụng kênh đã thuê.
- 3.1.2. Có trách nhiệm thanh toán cước đủ, đúng hạn và chịu mọi chi phí (Chuyển tiền, lãi suất do trả chậm và các chi phí khác có liên quan) phát sinh khi thanh toán cước do trả chậm.
- 3.1.3. Không tự ý dịch chuyển thiết bị do Bên B lắp đặt tại Bên A khi chưa có sự đồng ý của Bên B. Khi có nhu cầu dịch chuyển thiết bị của Bên B đặt tại Bên A thì phải báo cho Bên B biết và được sự đồng ý của Bên B thì mới được phép dịch chuyển.
- 3.1.4. Phải đảm bảo đầu nối kênh theo đúng sơ đồ đã đăng ký với Bên B, khi muốn thay đổi lại cấu hình mạng phải thông báo cho Bên B biết và được sự đồng ý của Bên B mới được tiến hành.
- 3.1.5. Khắc phục sự cố xảy ra nếu sự cố đó do lỗi của Bên A.
- 3.1.6. Khi xảy ra sự cố về đường truyền Bên A liên hệ trực tiếp bộ phận trực 24/7:
Tel: (04) 3573 9419 hoặc gửi thông tin theo địa chỉ E-mail: noc@htc-ite.com.vn, truyendang@htc-ite.com.vn
- 3.1.7. Phối hợp với Bên B trong quá trình cung cấp dịch vụ và vận hành sử dụng kênh, bảo dưỡng và kiểm tra chất lượng dịch vụ tại địa điểm của Bên A.
- 3.1.8. Bồi thường các thiệt hại do làm mất, hỏng thiết bị do Bên B cung cấp.
- 3.1.9. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề có liên quan đến Hợp đồng và việc sử dụng dịch vụ.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- 3.2.1. Cung cấp dịch vụ như quy định tại Điều 1 Hợp đồng
- 3.2.2. Kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị của Bên B đặt tại Bên A nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ. Trước khi bảo dưỡng kênh thì phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất là 03 ngày và nhận được sự đồng ý của Bên A thì mới được ngừng kênh để bảo dưỡng.
- 3.2.3. Khắc phục sự cố xảy ra trong thời gian sớm nhất khi nhận được thông báo của Bên A nếu sự cố đó thuộc trách nhiệm của Bên B. Trong trường hợp này Bên A sẽ được khấu trừ cước thuê kênh hàng tháng theo khoản 2.3, Điều 2 của Hợp đồng này.
- 3.2.4. Thông báo cho Bên A biết những thay đổi (nếu có) về cước dịch vụ trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- 3.2.5. Cung cấp đầy đủ chứng từ hoá đơn tài chính cho Bên A để Bên A thanh toán tiền cho Bên B.
- 3.2.6. Giải đáp các khiếu nại của Bên A liên quan đến dịch vụ theo quy định của Bộ Thông Tin và Truyền Thông.
- 3.2.7. Kịp thời bảo trì, sửa chữa các thiết bị hoặc khắc phục sự cố lỗi đường truyền trong trường hợp có sự cố/lỗi đối với thiết bị/đường truyền không phải do lỗi của Bên A. Các chi phí liên quan do Bên B gánh chịu.
- 3.2.8. Bảo đảm an toàn cho các thông tin, dữ liệu của Bên A trong quá trình sử dụng dịch vụ. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu của Bên A bị tiết lộ do lỗi đường truyền của kênh dịch vụ, Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật, bao gồm cả việc bồi thường mọi thiệt hại nếu có thiệt hại cho Bên A.
- 3.2.9. Bảo đảm thẩm quyền cung cấp các dịch vụ cho Bên A theo Hợp đồng này. Bên B cam kết có đầy đủ mọi giấy phép/chấp thuận cần thiết để ký kết và cung cấp các dịch vụ cho Bên A theo Hợp đồng này.

Điều 4: Giảm trừ cước thuê kênh

Trường hợp có kênh bị gián đoạn do lỗi của Bên B, Bên A sẽ được khấu trừ cước thuê mỗi kênh bị gián đoạn theo nguyên tắc sau:

Cước thuê kênh của tháng phát sinh lỗi gián đoạn x thời gian gián đoạn (phút)

Cước giảm trừ =

Số ngày trong tháng x 24 giờ x 60 phút

- Tiền cước giảm trừ (nếu có) của tháng nào căn cứ vào biên bản xác nhận lỗi gián đoạn của hai Bên và sẽ được khấu trừ trực tiếp vào cước dịch vụ của tháng đó.
- Trong các trường hợp sau, việc gián đoạn liên lạc sẽ không được tính để giảm trừ cước phí:

- Sự cố gián đoạn xảy ra do Bên A sử dụng, khai thác trái quy định.
- Sự cố gián đoạn xảy ra dưới 90 phút.
- Sự kiện bất khả kháng.
- Khi Bên B tạm dừng dịch vụ theo Điều 7.1.2.e.

Điều 5: Thời hạn của Hợp đồng

- 5.1. Hợp đồng này có thời hạn là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Hai Bên ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao kênh đưa vào vận hành sử dụng.
- 5.2. Trong trường hợp vào ngày hết hạn trong hợp đồng theo quy định của khoản 4.1 mà một trong các Bên không có văn bản về việc (i) thông báo chấm dứt hoặc (ii) không có nhu cầu gia hạn thì Hợp đồng đương nhiên được coi là gia hạn thêm thời hạn 12 tháng tiếp theo.
- 5.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu một trong hai Bên có nhu cầu điều chỉnh các điều khoản trong hợp đồng cho phù hợp thì phải thông báo cho Bên kia biết và nếu được sự chấp thuận của Bên kia sẽ cùng nhau tiến hành đàm phán, làm các phụ lục hợp đồng bổ sung. Các phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng.

Điều 6: Sự kiện bất khả kháng

Nếu bất kỳ sự kiện bất khả kháng nào như thiên tai, dịch họa, lũ lụt, bão, hỏa hoạn, động đất hoặc các hiểm họa thiên tai khác hoặc việc đình công hay can thiệp của Nhà nước hay bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra ngoài tầm kiểm soát của bất kỳ Bên nào và không thể lường trước được thì Bên bị sự kiện bất khả kháng làm ảnh hưởng được tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ ("Bên bị ảnh hưởng"), với điều kiện là Bên bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và có thể để ngăn ngừa, hạn chế hoặc khắc phục hậu quả của sự kiện đó. Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng xảy ra, Các Bên được miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt, Các Bên sẽ tiếp tục thực hiện Hợp đồng nếu việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng là có thể được.

Điều 7: Tạm ngừng dịch vụ, chấm dứt hợp đồng và thanh lý hợp đồng

7.1. Tạm ngừng dịch vụ

- 7.1.1. Bên A có quyền yêu cầu Bên B tạm ngừng cung cấp toàn bộ dịch vụ theo nhu cầu sử dụng của Bên A nhưng thời gian yêu cầu tạm ngừng phải tuân theo các quy định của Bộ Thông tin và truyền thông và thanh toán cước tạm ngừng dịch vụ theo Mục 2.6, Điều 2 của hợp đồng này.
- 7.1.2. Bên B có quyền tạm ngừng việc cung cấp dịch vụ cho Bên A nếu:
 - a Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại Mục 2.4.2 Khoản 2.5, Điều 2 của hợp đồng này mà Bên A vẫn chưa thanh toán nợ quá hạn thì Bên B có quyền tạm ngừng cung cấp toàn bộ dịch vụ không chịu bất kỳ trách nhiệm và/hoặc chi phí nào.
 - b Theo chỉ dẫn hoặc yêu cầu của chính phủ hay các cơ quan có thẩm quyền.
 - c Để giám hoặc ngăn chặn lỗi hay nhiễu trong nội mạng của Bên B.
 - d Khi hai Bên không thể thỏa thuận điều chỉnh lại các điều khoản của hợp đồng theo các quy định của các cơ quan có chức năng đối với các vấn đề tương ứng và có liên quan của hợp đồng này tại từng thời điểm cụ thể.
 - e Bên B thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa, hoặc nâng cấp thiết bị, phần mềm có định kỳ (với điều kiện phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên A) hoặc trong trường hợp khẩn cấp (với điều kiện phải kịp thời thông báo cho Bên A).
 - f Đối với những lỗi vi phạm nghiêm trọng liên quan tới việc thanh toán hàng tháng:
 - Nếu vi phạm kéo dài 5 ngày sau khi Bên B thông báo cho Bên A, Bên B có quyền ngừng dịch vụ ngay mà không cần thông báo trước cho Bên A
 - Và nếu vi phạm này tiếp tục kéo dài 30 ngày sau khi Bên B thông báo cho Bên A, Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng ngay qua thông báo bằng văn bản cho Bên A.
 - g Đối với những lỗi vi phạm không liên quan tới việc thanh toán (như sử dụng sai mục đích trái với quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định ngành có liên quan...):
 - Nếu vi phạm tiếp diễn trong 10 ngày sau khi Bên B thông báo cho Bên A thì Bên B có quyền tạm dừng dịch vụ ngay mà không cần thông báo trước cho Bên A.
 - Nếu vi phạm tiếp tục kéo dài trong 30 ngày sau khi Bên B thông báo cho Bên A thì Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng ngay qua thông báo bằng văn bản cho Bên A.
- 7.1.3. Khi tạm dừng dịch vụ theo quy định tại Hợp đồng này (trừ trường hợp khoản e Điều 7.1.2), Bên A phải thanh toán đầy đủ các khoản tiền sau cho Bên B: (i) các khoản nợ mà Bên A chưa thanh toán, (ii) phí tạm ngừng dịch vụ; và (iii) các thiệt hại khác (nếu có).
- 7.1.4. Trong trường hợp tạm ngừng dịch vụ theo Điều 7.1.2 c và e, Bên B sẽ cố gắng hạn chế thời gian gián đoạn dịch vụ cho Bên A.

7.2. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng này được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 7.2.1. Hết thời hạn của Hợp đồng theo quy định tại khoản 5.1, Điều 5 của hợp đồng này mà hợp đồng không được gia hạn thêm.
- 7.2.2. Theo khoản 7.1.2 f và g.
- 7.2.3. Một Bên đề nghị chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. Trong trường hợp này, Bên đề nghị phải thông báo cho Bên kia trước ít nhất 15 ngày trước ngày dự định chấm dứt Hợp đồng.
- 7.3. **Thanh lý hợp đồng:** Khi chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải hoàn tất các công việc sau:
Thu hồi, kiểm tra và bàn giao lại các thiết bị của mỗi Bên đã lắp đặt để thiết lập đường truyền;
- Ngừng cung cấp dịch vụ và ngừng tính cước;
 - Bên A có trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản cước, phí dịch vụ và phạt vi phạm và bồi thường (nếu có) cho Bên B;

Điều 8: Bồi thường thiệt hại

- 8.1. Trong trường hợp Hợp đồng bị chấm dứt trước thời hạn theo Điều 7.2.2: Bên vi phạm Hợp đồng dẫn đến hành vi đơn phương chấm dứt Hợp đồng của Bên kia sẽ phải trả cho Bên kia 100% tổng giá trị phần chưa thực hiện Hợp đồng và bồi thường thiệt hại trực tiếp, thực tế.
- 8.2. Trong trường hợp Hợp đồng bị chấm dứt trước thời hạn theo Điều 7.2.3: Bên đề nghị chấm dứt Hợp đồng phải trả cho Bên kia 100% tổng giá trị phần chưa thực hiện Hợp đồng và bồi thường toàn bộ thiệt hại trực tiếp, thực tế.
- 8.3. Bên vi phạm Hợp đồng phải thanh toán cho Bên bị vi phạm một khoản phạt Hợp Đồng tương ứng với 8% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Điều 9: Giải quyết khiếu nại và tranh chấp

- 9.1. Bên sử dụng dịch vụ có quyền khiếu nại về chất lượng và cước dịch vụ. Tất cả các khiếu nại phải được lập thành văn bản và gửi cho Bên cung cấp dịch vụ. Bên cung cấp dịch vụ có trách nhiệm xem xét giải quyết các khiếu nại của Bên sử dụng dịch vụ theo đúng quy định về tiếp nhận và giải quyết khiếu nại khách hàng nhưng không vượt quá 5 (năm) ngày. Trường hợp phát sinh các khiếu nại có tính chất phức tạp theo nhận định của Bên sử dụng dịch vụ, thời gian giải quyết sẽ không quá một (1) tháng.
- 9.2. Trong thời gian giải quyết khiếu nại, Bên A vẫn phải thanh toán đầy đủ cước theo như bản xác nhận cước thuê kênh. Nếu có khiếu nại liên quan đến tiền cước sẽ được giải quyết ngay tháng tiếp theo sau đó.
- 9.3. Các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp hai Bên không thương lượng và hoà giải được thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 10: Thỏa thuận khác

- 10.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A có nhu cầu thay đổi địa điểm kết nối hoặc mở rộng điểm kết nối (thuê thêm kênh) trong phạm vi khả năng cấp kênh của Bên B thì Bên B có trách nhiệm tổ chức và cung cấp kênh, chi phí cho việc thay đổi hoặc mở rộng này được cả hai Bên bàn bạc, thống nhất nhưng không vượt quá khung giá quy định.
- 10.2. Mọi sửa đổi, bổ sung các điều khoản liên quan đến Hợp đồng này phải được sự đồng ý của Hai Bên và lập thành văn bản mới có chữ ký và đóng dấu hợp lệ của Hai Bên. Những văn bản này là phần không thể tách rời của Hợp đồng này.
- 10.3. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng này và các quy định khác có liên quan do pháp luật Việt Nam quy định. Bên vi phạm có trách nhiệm chịu phạt vi phạm và bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra cho Bên kia theo quy định của Hợp đồng và trên cơ sở những quy định của pháp luật hiện hành.
- 10.4. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu và không thực hiện được một phần hay toàn bộ bởi cơ quan có thẩm quyền, thì hiệu lực của các điều khoản khác của Hợp đồng và phần còn lại sẽ không bị ảnh hưởng.
- 10.5. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được làm thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 2 bản, Bên B giữ 2 bản.





PHỤ LỤC

(Kèm theo Hợp đồng số 883/HHC-DH/MDC/ILL-2025 ký ngày 26 tháng 9 năm 2025)

STT	Nội dung, chi tiết hàng hoá	ĐTV	SL	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	Cước phí 12 tháng thuê kênh Internet Leased Line tốc độ 8Mbps Quốc tế và 200Mbps trong nước từ ngày 2/10/2025 đến tháng 1/10/2026	12 tháng	01	78.000.000	78.000.000
	Tiền thuế GTGT:				7.800.000
Tổng tiền thanh toán					85.800.000
Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng chẵn./.					